

fonetická abeceda

samohlásky krátké:

I	æ	ʊ	ɒ	ʌ
hit / hɪ t/	hat / hæ t/	put / pu t/	dog / dɒ g/	come / kʌ m/
e	ə			
bed / bed /	sister / ˈsɪstə /			

samohlásky dlouhé:

i:	ɑ:	u:	ɔ:	ɜ:
heat / hi t/	car / kɑ: /	moon / mu:n /	door / dɔ: /	bird / bɜ:d /

dvojhásky:

eɪ	aɪ	ɔɪ	aʊ	əʊ
eight / eɪ t/	buy / baɪ /	boy / bɔɪ /	cow / kau /	go / gəʊ /
ɪə	eə	ʊə		
here / hiə /	bear / beə /	sure / ʃuə /		

souhlásky znělé:

b	d	g	v	ð
bag / bæg /	bad / bæd /	get / get /	very / ˈveri /	this / ðɪs /
z	ʒ	dʒ	l	r
busy / ˈbɪzi /	leisure / ˈleɪʒə /	job / dʒɒb /	light / laɪt /	red / red /
j	w	m	n	ŋ
young / ˌjʌŋ /	wife / waɪf /	man / mæn /	nose / nəʊz /	sing / sɪŋ /

souhlásky neznělé:

p	t	k	f	θ
pig / pɪ g/	toe / təʊ /	make / meɪ k/	far / fɑ: /	think / θɪŋ k/
s	ʃ	tʃ	h	
sit / sɪ t/	show / ʃəʊ /	chair / tʃeə /	head / hed /	